

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp và phụ tùng, linh kiện
Máy nông lâm ngư nghiệp, phụ tùng ô tô Thanh Thanh
tại xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Khu dịch vụ thương mại tổng hợp và phụ tùng, linh kiện máy nông lâm ngư
nghiệp, phụ tùng ô tô Thanh Thanh tại xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh
Nghệ An và Công văn số 198/TT ngày 30/11/2022 của Công ty TNHH Thanh
Thanh về việc chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị phê duyệt Báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số
8198/STNMT-BVMT ngày 15/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường của dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp và phụ tùng, linh kiện máy
nông lâm ngư nghiệp, phụ tùng ô tô Thanh Thanh tại xã Diễn Ngọc, huyện
Diễn Châu, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Thanh
Thanh làm chủ dự án (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Diễn Ngọc,

huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu; Chủ tịch UBND xã Diễn Ngọc; Giám đốc Công ty TNHH Thanh Thanh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đệ

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VÀ PHỤ TÙNG, LINH
KIỆN MÁY NÔNG LÂM NGƯ CƠ NGHIỆP, PHỤ TÙNG Ô TÔ THANH
THANH TẠI XÃ DIỄN NGỌC, HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN**

*(kèm theo Quyết định số 4046 /QĐ-UBND ngày 20/12/2022
của UBND tỉnh Nghệ An)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: khu dịch vụ thương mại tổng hợp và phụ tùng, linh kiện máy nông lâm ngư cơ nghiệp, phụ tùng ô tô Thanh Thanh tại xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Địa điểm thực hiện dự án: xóm Ngọc Văn, xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Thanh Thanh.

- Đại diện: ông Vũ Thế Thanh, Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ: xóm Ngọc Tân, xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi của dự án: dự án được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dịch vụ thương mại tổng hợp và phụ tùng, linh kiện máy nông lâm ngư cơ nghiệp, phụ tùng ô tô Thanh Thanh tại xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu với diện tích xây dựng là dự án 10.873,94 m².

- Quy mô, công suất dự án: đầu tư hoàn chỉnh khu dịch vụ thương mại tổng hợp và phụ tùng, linh kiện máy nông lâm ngư cơ nghiệp, phụ tùng ô tô với công suất: Linh kiện, phụ tùng máy nông lâm ngư cơ nghiệp, phụ tùng ô tô: 120 thiết bị/tháng; Máy nông lâm ngư nghiệp: 10 máy/tháng.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình

a. Các hạng mục công trình chính:

- Nhà trưng bày sản phẩm máy nông lâm, ngư nghiệp, ô tô, diện tích 960m².

- Nhà kho số 1, diện tích 2.000 m².

- Nhà kho số 2 để phụ tùng máy nông lâm, ngư nghiệp, ô tô, diện tích 960m².

b. Các hạng mục phụ trợ:

- Cổng chính, cổng phụ.

- Nhà trực bảo vệ, 2 nhà, diện tích 30 m².

- Nhà văn phòng làm việc 4 tầng, diện tích: 495 m².
- Nhà ăn nghỉ cán bộ công nhân viên, diện tích: 181,44 m².
- Nhà vệ sinh, diện tích: 33,6 m².
- Nhà để xe cán bộ công nhân viên, diện tích: 33,6 m².
- Nhà cầu nổi, diện tích: 40 m².
- Nhà đặt máy phát điện, diện tích: 12 m².
- Trạm bơm nước phòng cháy chữa cháy, diện tích: 12 m².
- Trạm biến áp, diện tích: 12m².
- Bãi đậu xe ngoài trời; bể nước sinh hoạt + phòng cháy chữa cháy; đường chạy thử máy cày, ô tô; cây xanh thảm cỏ, sân đường nội bộ, bãi đậu xe, sân thể thao,...

c. Các hạng mục công trình xử lý chất thải bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom nước thải D300, chiều dài 328m.
- Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn D400, chiều dài 998m.
- Hố ga thăm thu nước thải trong hệ thống thu gom nước mưa (kích thước mỗi hố 1m x 1m x 1,2m): 15 hố.
- Hố ga thăm thu nước mưa trong hệ thống thu gom nước thải (kích thước mỗi hố 1m x 1m x 1,2m): 40 hố.
- Bể tự hoại, 03 bể, dung tích 60m³.
- Bể tách dầu, 01 bể, dung tích 5m³.
- Thùng chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại: 25 thùng.
- Kho chất thải rắn sinh hoạt, tái chế và chất thải nguy hại: 20 m².
- Bể lắng xử lý nước thải 2 ngăn, diện tích 20m².
- Hệ thống hút mùi khu vực nấu ăn: 01 hệ thống.

1.3.2. Các hoạt động của dự án đầu tư

Hoạt động dịch vụ thương mại tổng hợp bán buôn linh kiện, phụ tùng máy nông lâm ngư cơ nghiệp, phụ tùng ô tô.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có diện tích 6.068,2m² đất nông nghiệp trồng lúa nước 2 vụ của 13 hộ dân xóm Ngọc Văn, xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu phải thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động giải phóng, san lấp mặt bằng: tác động đến môi trường không khí, môi trường nước mặt, môi trường đất của khu vực dự án. Bụi và tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng không khí khu vực.

- Hoạt động thi công xây dựng phát sinh bụi, tiếng ồn, mùi và chất thải nguy hại tại dự án. Việc tập trung công nhân trong giai đoạn xây dựng phát sinh chất thải sinh hoạt và nước thải sinh hoạt có khả năng tác động đến môi trường nước mặt, môi trường đất khu vực.

2.2. Giai đoạn hoạt động

Hoạt động kinh doanh của dự án và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên từ khu kinh doanh thiết bị máy móc phụ tùng nông lâm ngư nghiệp, hàng tiêu dùng tác động đến môi trường không khí, môi trường nước mặt, môi trường đất của khu vực dự án. Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn ảnh hưởng đến môi trường không khí khu vực dự án. Mùi, tiếng ồn và chất thải phát sinh từ hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

a. Giai đoạn xây dựng

- Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 925 m³/ngày chảy qua khu vực dự án; thành phần chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, đá, ...

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 1,25 m³/ngày; thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 6,5 m³/ngày; thành phần nước thải thi công chứa nhiều cặn lơ lửng, vôi vữa, xi măng, có độ pH cao.

b. Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 925m³/ngày; thành phần chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, đá...;

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cán bộ công nhân viên và khách hàng đến giao dịch khoảng 3,1 m³/ngày đêm; thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a. Giai đoạn xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền, tập kết nguyên vật liệu, phương tiện vận chuyển, từ hoạt động của máy móc, thiết bị vận tải, thi công tại công trường; thành phần chủ yếu bụi, NO₂, SO₂, CO, VOC,...

b. Giai đoạn hoạt động

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông, máy phát điện dự phòng, hoạt động nấu nướng; mùi từ khu chứa rác thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải; thành phần chủ yếu SO_2 , NO_x , CO_2 , VOC, H_2S ,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 12,5 kg/ngày; thành phần gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác (nylon, hộp xốp, vỏ chai thủy tinh...);

- Chất thải rắn xây dựng: khối lượng nạo vét bóc bùn đất hữu cơ, sinh khối thực vật khoảng 2.174,8m³, chất thải rắn từ bể chứa nước và Bể lắng đào móng công trình, rãnh thoát nước, giao thông là 1.215,2m³, chất thải rắn từ nguyên vật liệu quá trình thi công thải loại khoảng 4,5m³/suốt quá trình xây dựng; thành phần chủ yếu cây bụi, cỏ dại, cành lá cây, bùn đất, đá...

b. Giai đoạn hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng phát sinh khoảng 33 kg/ngày; thành phần gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác (nylon, hộp xốp, vỏ chai thủy tinh...);

- Loại có khả năng tái sử dụng, tái chế: khối lượng 5 - 7kg/ngày; thành phần: bao bì, thùng carton, thùng gỗ đựng máy móc, phụ tùng máy nông nghiệp, nylon, nhựa, kim loại,...

- Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải:

+ Bùn thải từ bể lắng: khoảng 1,4 m³/đợt hút;

+ Bùn cặn thải từ các nhà vệ sinh, bể tách dầu mỡ: 0,9 m³/đợt hút.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a. Giai đoạn xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị thi công trên công trường, khối lượng khoảng 0,5 kg/ngày; thành phần bao gồm bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin - acquy, giẻ dính dầu mỡ, dầu mỡ thải.

b. Giai đoạn hoạt động

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động kinh doanh và khu vực sinh hoạt; khối lượng khoảng 2-3 kg/ngày; thành phần bao gồm bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin hỏng, mực in thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn xây dựng

- Tiếng ồn: do hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thi công (máy xúc, máy trộn bê tông, xe tải...). Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dBA, từ 21-6h là 55dBA.

- Độ rung: hoạt động của các loại máy móc lớn thi công san lấp, vận chuyển nguyên vật liệu. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về độ rung ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dB, 21h-6h là mức nền.

b. Giai đoạn vận hành: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông; hoạt động của khu dịch vụ thương mại, máy phát điện. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dBA, từ 21-6h là 55dBA. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về độ rung ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dB, 21h-6h là 60dB.

3.4. Các tác động khác

- Giai đoạn xây dựng

+ Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất: việc triển khai dự án làm thay đổi lâu dài mục đích sử dụng đất và việc đền bù, thu hồi đất có thể làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư trên địa bàn xã Diễn Ngọc, huyện Diên Châu.

+ Tác động đến kinh tế - xã hội: quá trình thi công và vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu xây dựng phát bụi và khí thải, ảnh hưởng tới các hộ dân hai bên đường và vấn đề đi lại của người tham gia giao thông.

+ Tác động đến hệ sinh thái: xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình kiến trúc dẫn đến hệ thực vật ở đây bị suy giảm đồng thời những động vật sống trong môi trường này sẽ phải di dời đi nơi khác.

+ Ngập úng cục bộ: giai đoạn thi công mặt bằng dự án chưa được bê tông hoá. Do vậy, khi trời mưa to nước mưa có thể gây ngập úng tại khu vực Dự án.

- Giai đoạn vận hành dự án

+ Ô nhiễm nhiệt: sử dụng máy điều hòa không khí sẽ gây tác động tới môi trường như: nhiệt dư từ dàn nóng máy điều hòa thải vào môi trường sẽ làm nhiệt độ môi trường không khí tăng cao gây ô nhiễm nhiệt.

+ Giao thông khu vực: làm gia tăng mật độ xe trên tuyến đường vận chuyển trong khu vực, mặt khác còn làm xuống cấp tuyến đường và tăng khả năng xảy ra tai nạn giao thông trên các tuyến đường này.

+ Tác động đến hệ sinh thái lưu vực tiếp nhận nước thải:

++ Chất lượng nước sông Bùng tại khu vực có khả năng bị biến đổi do các thành phần bị ô nhiễm trong nước thải của dự án.

++ Gây ngập lụt khu vực dự án trong trường hợp mưa lũ lớn và kéo dài chưa thoát kịp.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt:

+ Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động trong khu vực thi công để phục vụ cho công nhân. Kích thước 1 nhà vệ sinh: 95 x 130 x 250 (cm). Vật liệu bằng composite nguyên khối. Có thể tích bồn nước 700 lít và bồn phân 700 lít.

+ Xây dựng mương thu gom nước thải trong dự án có lắp đặt song chắn rác để thu gom nước thải từ quá trình rửa tay chân về bể lắng; xây dựng bể lắng lọc 2 ngăn (ngăn lắng và ngăn lọc cát) để lọc sạch các chất lơ lửng, cặn lắng trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải xây dựng: xây dựng bể lắng lọc 2 ngăn (ngăn lắng và ngăn lọc cát) bố trí tại khu vực thi công trước công ra vào dự án thể tích 8m³ (2m×2m×2m) để lắng cặn trước khi thoát vào mương thoát nước của khu vực.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Xây dựng mương thu gom nước mưa nội bộ bằng cống hộp D400 dài 998m dọc tuyến đường nội bộ để thu gom nước mưa theo hướng thấp dần từ Tây Bắc sang Đông Nam. Trên hệ thống mương thoát nước mưa bố trí 40 hố ga tạm có kích thước D×R×C = 0,5m×0,5m×0,5m.

+ Vệ sinh mặt bằng thi công cuối ngày làm việc, thu gom rác thải, không để rò rỉ xăng dầu;

+ Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước;

+ Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn;

+ Ưu tiên thi công các công trình thoát nước trước, các công trình này hoàn thiện trước mùa mưa;

+ Thi công gọn từng hạng mục, làm đến đâu xong đến đó, đảm bảo đất đá, gia cố taluy đường;

+ Nước mưa chảy theo độ dốc địa hình tập trung vào vùng trũng, chảy vào tuyến mương đất phía Đông khu vực rồi thoát ra hướng sông Bùng.

b. Giai đoạn hoạt động

- Đối với nước thải sinh hoạt

+ Xây dựng 03 bể tự hoại, mỗi bể dung tích 20m^3 dưới móng các hạng mục công trình chính để thu gom nước thải từ nhà vệ sinh để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về bể lắng 2 ngăn.

+ Xây dựng 01 bể tách dầu, dung tích 5m^3 dưới móng công trình nhà bếp để thu gom nước thải từ khu vực bếp để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về bể lắng 2 ngăn.

+ Xây dựng mương thu gom nước thải nội bộ bằng cống hộp D300 dài 328m thu gom nước thải nội bộ dự án chảy về bể lắng 2 ngăn. Trên hệ thống mương thoát nước bố trí 15 hố ga tạm có kích thước $D \times R \times C = 0,5\text{m} \times 0,5\text{m} \times 0,5\text{m}$.

+ Xây dựng bể lắng lọc 2 ngăn, kết hợp khử trùng để xử lý nước thải sau bể tự hoại và bể tách dầu đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt rồi đầu nối ra mương thoát nước phía Đông dự án (dài khoảng 112m) dọc đường quy hoạch 12m chảy về sông Bùng. Bể lắng dự kiến xây dựng có diện tích 20m^2 và ở phía Đông Bắc của dự án.

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải: nước thải từ bể tự hoại, nước thải từ khu vực nhà ăn (đã được dẫn qua bể tách dầu mỡ), nước rửa tay... → hệ thống mương thu gom (bố trí các hố ga) → bể lắng lọc 2 ngăn → đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B → đầu nối vào mương thoát nước phía Đông dự án, chảy về mương thoát nước dọc đường quy hoạch 12m phía Nam chảy về sông Bùng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 2100523(\text{m}); Y = 589447(\text{m})$.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ múi chiều 3°).

+ Quy chuẩn: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Phương thức xả nước thải: tự chảy.

- + Chế độ xả nước thải: xả liên tục, 24/24 giờ.
- + Lưu lượng nước xả thải: 3,1 m³/ngày.đêm.
- Đối với nước mưa chảy tràn:
 - + Sử dụng mương thu gom nước mưa chảy tràn đã xây dựng ở giai đoạn xây dựng để phục vụ thu gom nước mưa dự án giai đoạn hoạt động;
 - + Lắp đặt hệ thống máng hứng nước mưa trên mái các công trình để thu gom nước mưa trên mái dẫn về mương thu gom nước mưa nội bộ đã xây dựng;
 - + Mương thủy lợi: thỏa thuận với UBND xã Diên Ngọc và Hợp tác xã Ngọc Văn tại Văn bản số 161/TT.DA ngày 07/11/2022 về việc phương án hoàn trả đường giao thông và mương thủy lợi nội đồng để xây dựng tuyến mương bê tông dài 112m và rộng 1,5m bằng BTCT phía Đông dự án, chạy dọc theo ranh giới dự án đầu nối vào điểm cuối là mương phía Nam dọc theo tuyến đường quy hoạch rộng 12m và để thu gom nước thải dự án sau xử lý chảy về sông Bùng;
 - + Định kỳ nạo vét mương thu gom nước mưa chảy tràn để tránh xảy ra ngập úng nội bộ 1 năm/lần.

* Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thu gom nước mưa chảy tràn khu vực dự án trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt 14:2008/BNTMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B hệ số K = 1,2; không được phép xả thải trong trường hợp xảy ra sự cố từ bể tự hoại hoặc nước thải sau xử lý không đạt QCVN 14:2008/BNTMT, cột B với hệ số nêu trên.

- Việc xử lý nước thải từ Dự án phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a. Giai đoạn xây dựng

- Giảm thiểu bụi từ công trường thi công:

+ Tưới ẩm khu vực thi công trong những ngày nắng; thường xuyên phun nước tại các sân bãi tập kết vật liệu xây dựng.

+ Lắp hàng rào tôn cao 3m phía Đông và phía Nam khu vực dự án;

+ Lắp đặt lưới chắn bụi khi tiến hành thi công lên tầng cao công trình để giảm thiểu lượng bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

+ Dọn vệ sinh khuôn viên dự án cuối ngày làm việc.

- + Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.
 - Giảm thiểu bụi từ hoạt động vận chuyển:
 - + Xe chở vật liệu được phủ bạt kín thùng xe, chở đúng trọng tải và chạy đúng tốc độ.
 - + Tưới ẩm tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu với tần suất tưới ẩm 2 lần/ngày vào những ngày thời tiết khô hanh, gió lớn.
 - + Bố trí công nhân thu dọn các vật liệu rơi vãi tại khu vực công trường ra đường quy hoạch 18m.
 - Giảm thiểu tác động của khí thải của thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển:
 - + Tất cả các xe vận tải, thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ dự án.
 - + Phân phối lượng xe vận chuyển ra vào khu vực dự án, điều tiết các máy móc làm việc phù hợp tránh làm tăng nồng độ các chất ô nhiễm không khí.
- b. Giai đoạn hoạt động
- Giảm thiểu bụi và khí thải do giao thông
 - + Trồng cây xanh để hạn chế ô nhiễm không khí. Các loại cây sử dụng là xoài, bằng lăng... đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch đã được phê duyệt;
 - + Bố trí công nhân hàng ngày quét dọn, vệ sinh sạch sẽ khuôn viên dự án;
 - + Đặt các biển báo hạn chế tốc độ di chuyển của các phương tiện lưu thông trong dự án.
 - Bụi và khí thải từ khu vực nhà bếp
 - + Trong nhà bếp sử dụng các nhiên liệu đốt sạch như khí hóa lỏng, thiết bị dùng điện...;
 - + Trang bị bộ phận hút và lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường;
 - Bụi và khí thải từ máy phát điện: máy phát điện không sử dụng thường xuyên, chỉ sử dụng trong trường hợp mất điện lưới. Mua các máy phát điện dự phòng có trang bị hệ thống xử lý khí thải đạt các QCVN có liên quan.
 - Mùi từ điểm tập kết rác thải sinh hoạt
 - + Tăng cường tổ chức quét dọn sạch sẽ khuôn viên dự án và thu gom tập kết chất thải rắn về đúng nơi quy định. Rác thải được thu gom vận chuyển hàng ngày, không tập trung lâu ngày gây phân hủy làm phát sinh các loại khí thải như CH_4 , H_2S , NH_3 ... và mùi hôi thối vào môi trường không khí;

+ Tuyên truyền, nâng cao ý thức cho người dân về công tác bảo vệ môi trường.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thực hiện đầy đủ công trình, biện pháp thu gom bụi, khí thải, giảm thiểu mùi theo đúng quy định.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt

a. Giai đoạn xây dựng

* Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 01 thùng dung tích 50 lít có nắp đậy, có màu khác nhau để phân loại rác tại nguồn, dán nhãn chất thải sinh hoạt trên nắp thùng đựng chất thải sinh hoạt. Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn được thực hiện như sau:

+ Chất thải thực phẩm: chuyển cho các hộ gia đình và các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm thức ăn gia súc, gia cầm hoặc làm phân bón theo quy định;

+ Chất thải rắn có thể tái sử dụng, tái chế như cốc nhựa, vỏ lon bia, nước ngọt, giấy, bìa carton... thu gom vào thùng đựng rồi định kỳ bán phế liệu;

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác: thu gom vào thùng đựng hợp vệ sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: phân loại chất thải tại nguồn như sau:

+ Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật được sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng bao gồm bùn đất hữu cơ bề mặt khu đất; chất thải rắn từ quá trình đào hố móng; chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng khác được tận dụng san lấp mặt bằng khu đất dự án;

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý: gồm bao xi măng, sắt thép vụn, ván cốp pha, cọc chống hông trong và sau khi thi công... thu gom và bán phế liệu tần suất 1 tuần/lần.

b. Giai đoạn hoạt động

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Đối với rác thực phẩm (thức ăn thừa,...) tại nhà bếp nhân viên được tập kết cho vào 01 thùng composite dung tích 50l, có nắp đậy, dán nhãn rác thực phẩm. Cuối ngày cho nhân dân địa phương chăn nuôi mang về chăn nuôi gia súc.

+ Đối với chất thải có khả năng sử dụng, tái chế: đặt 5 thùng compusites có nắp đậy dung tích 20 - 50l, dán nhãn chất thải tái chế tại các khu nhà và sân đường nội bộ. Cuối ngày đội vệ sinh thu gom về kho lưu giữ chất thải rắn và bán phế liệu 01 lần/tuần.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác: đặt 05 thùng compusites có nắp đậy dung tích 20 - 50l, có dán nhãn chất thải sinh hoạt khác tại các khu nhà và sân đường nội bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt khác hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương thu gom, vận chuyển và xử lý 01 lần/tuần.

+ Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 10m² đặt tại nhà kho số 2 phía Tây dự án. Điểm tập kết có mái che; dán nhãn chất thải sinh hoạt; mặt sàn không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất: chủ yếu bìa carton, bao bì, nilon, kim loại,... đóng gói máy móc thiết bị, phụ tùng nông lâm ngư nghiệp được tập kết vào kho lưu giữ chất thải tái chế để thu gom bán phế liệu;

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý: váng dầu mỡ từ bể tách dầu mỡ được hút lên khi đầy bể; bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải tập trung định kỳ nạo vét với tần suất 6 tháng/lần và được hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý, có biên bản bàn giao theo đúng quy định.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải nguy hại được thu gom và chứa vào 03 thùng chuyên dụng đựng chất thải nguy hại cho các mã, có nắp đậy để trong kho chứa chất thải riêng biệt. Các thùng phân loại chất thải nguy hại có tên, mã chất thải và biển cảnh báo đúng quy định; dán nhãn, mã chất thải cho từng loại, đồng thời treo biển cảnh báo theo đúng TCVN 6707:2009 chất thải nguy hại- dấu hiệu cảnh báo.

- Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa xe, máy móc phục vụ thi công tại khu vực dự án; dầu mỡ thải phát sinh (giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy,...) được đơn vị thi công thu gom vào các thùng chứa đặt trong các thùng chứa chất thải nguy hại.

+ Thu gom và quản lý theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b. Giai đoạn vận hành

- Xây kho chất thải nguy hại diện tích 5m² đặt tại Nhà kho số 2 phía Tây dự án.

- Lưu giữ: quy mô kho chứa và các yêu cầu kỹ thuật được xác định, bao gồm:

+ Kết cấu: nền cao, được lát xi măng và sơn chuyên dụng chống ăn mòn hóa chất. Có gờ cao để ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có rãnh thu nước rò rỉ xung quanh kho chứa. Việc thiết kế các ngăn chứa trong kho chất thải nguy hại được dựa trên đặc tính của các loại chất thải phát sinh, xác định tính tương thích của chất thải để lựa chọn khu vực lưu giữ trong kho theo các khoang chứa riêng biệt;

+ Gắn các biển cảnh báo nguy hiểm trong và ngoài kho chứa.

+ Chất thải nguy hại được thu gom và chứa vào 03 thùng chuyên dụng đựng chất thải nguy hại cho các mã, có nắp đậy để trong kho chứa chất thải riêng biệt. Các thùng phân loại chất thải nguy hại có tên, mã chất thải và biển cảnh báo đúng quy định.

+ Thu gom và quản lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý với tần suất 6 tháng/lần đảm bảo bàn giao chất thải đúng theo hợp đồng đã thỏa thuận ký kết và có chứng từ chất thải nguy hại.

- Định kỳ lập báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo vào tháng 1 hàng năm.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất nguy hại trong quá trình thi công xây dựng, vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn xây dựng

- Bố trí thời gian thi công hợp lý. Không thi công hạng mục phát sinh tiếng ồn và độ rung lớn vào thời gian nghỉ trưa từ 11h30 ÷ 13h30 và sau giờ làm việc 18h ÷ 5h sáng hôm sau.

- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa các thiết bị giảm thanh (như ống xả...) trên các phương tiện thi công.

- Không sử dụng các phương tiện chở quá trọng tải nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến khu vực dân cư lân cận;

- Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su hoặc xốp cho các thiết bị nhằm làm giảm chấn động do thiết bị gây nên.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân.

b. Giai đoạn vận hành

- Tất cả các xe vận tải và máy móc, thiết bị cơ giới đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn và tiếng ồn, độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ, đảm bảo các máy bơm luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tra dầu nhớt đầy đủ theo đúng hướng dẫn sử dụng của thiết bị.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, xe, đồng thời hạn chế sử dụng các loại xe cũ.

- Lắp đặt đệm cao su chống rung chống ồn cho máy phát điện.

- Trồng cây xanh để hạn chế lan truyền tiếng ồn, đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch đã được phê duyệt.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Các biện pháp giảm thiểu sự cố ngập úng.

+ Định kỳ hàng năm nạo vét các tuyến mương để khơi thông dòng chảy, đảm bảo thoát nước tốt nhất.

+ Định kỳ hàng năm duy tu, sửa chữa hệ thống nắp chắn rác, hố ga, mương thoát thoát nước.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

- Các biện pháp giảm thiểu của việc chiếm dụng đất: phối hợp với UBND xã Diên Ngọc trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các hộ dân và tiến hành thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất trình HĐND tỉnh Nghệ An phê duyệt.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến đường giao thông nội đồng: thỏa thuận với UBND xã Diên Ngọc và Hợp tác xã Ngọc Văn tại Văn bản số 161/TT.DA ngày 07/11/2022 về phương án hoàn trả đường giao thông và mương thủy lợi nội đồng để xây dựng hệ thống đường giao thông rộng 12m phía Nam và đường 24m phía Tây dự án để phục vụ dự án và người dân khu vực lưu thông.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1 Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn xây dựng

Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: tại khu vực tập kết chất thải rắn.
- Nội dung giám sát: khối lượng chất thải rắn phát sinh; phân định, phân loại và quá trình thu gom, tập kết các loại chất thải rắn phát sinh.
- Tần suất giám sát: thường xuyên hàng ngày.

5.2. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án với lưu lượng 3,1m³/ngày được xử lý qua bể tự hoại, bể tách dầu, bể lắng 2 ngăn. Nên theo quy định tại điểm d khoản 1, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

5.3. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn vận hành

a. Giám sát nước thải: dự án không thuộc phụ lục II của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và có khối lượng nước thải phát sinh <500m³ nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ.

b. Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: tại khu vực tập kết chất thải rắn.
- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định.
- Tần suất giám sát: thường xuyên hàng ngày.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Triển khai dự án sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích đất lúa và các thủ tục khác có liên quan theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và hoạt động dự án.

6.3. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện khoanh định ranh giới dự án, xác định các địa bàn làm công trường thi công và đổ thải các loại bùn thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

6.4. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố; tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố, an toàn giao thông đường bộ, quản lý đất đai và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trước khi dự án đi vào hoạt động.

6.6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu quan trắc, giám sát để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra khi cần thiết.

6.7. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định (trừ các thông tin thuộc bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật) và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định.

6.8. Xây dựng, thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải; tổ chức ứng phó sự cố chất thải tại dự án và tham gia ứng phó sự cố chất thải theo sự chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường./.